

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 207/2018/DS-PT
Ngày: 31 -10 - 2018
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lập
Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Văn Yên
Ông Huỳnh Văn Út
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Văn Len là Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:* Ông Trương Minh Bạch - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 214/2017/TLPT- DS ngày 12 tháng 10 năm 2017 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 39/2017/DS-ST ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 283/2017/QĐPT-DS ngày 13 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nhan Thị K, sinh năm 1948 (Có mặt)
Địa chỉ: Xã TB, huyện TB, tỉnh Cà Mau.
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà K: Ông Kim Chan ĐR, là Luật sư cộng tác viên của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cà Mau.
- *Bị đơn:*
 1. Ông Lê Văn N, sinh năm 1961 (Vắng mặt)
 2. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1961 (Có mặt)Cùng địa chỉ: Xã TB, huyện TB, tỉnh Cà Mau .
Người đại diện hợp pháp theo uỷ quyền của ông N: Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1951; địa chỉ: xã TB, huyện TB, tỉnh Cà Mau (Văn bản uỷ quyền ngày 04/12/2017 – Có mặt).
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
 1. Ông Lê Văn B (đã chết)Những người kết thừa quyền và nghĩa vụ của ông Bình:

1.1. Bà Nhan Thị K, là nguyên đơn trong vụ án (Có mặt)

1.2. Ông Lê Văn M, sinh năm 1964 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Xã TB, huyện TB, tỉnh Cà Mau

1.3. Anh Lê Văn C, sinh năm 1970 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Xã TD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau

1.4. Chị Lê Thị H, sinh năm 1973 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Xã Vĩnh HH, huyện CT, tỉnh Kiên Giang

1.5. Anh Lê Văn P, sinh năm 1977 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 7, xã Nam Bình, Đăk Nông

1.6. Anh Lê Hoàng V, sinh năm 1983 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Xã TB, huyện TB, tỉnh Cà Mau

1.7. Chị Lê Thị M, sinh năm 1990 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Xã MT, huyện U MT, tỉnh Kiên Giang

1.8. Chị Lê Mười E, sinh năm 1991 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Xã MT, huyện U MT, tỉnh Kiên Giang

1.9. Anh Lê Mười Eam, sinh năm 1995 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Xã TB, huyện TB, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Nam: Bà Quách Ngọc L, là Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cà Mau (Có mặt)

2. Chị Lê Thị Đ (Vắng mặt)

Địa chỉ: Xã TB, huyện TB, tỉnh Cà Mau.

3. Anh Lê Chí A (Vắng mặt)

Địa chỉ: Xã TB, huyện TB, tỉnh Cà Mau.

4. Ông Nguyễn Chí T (Vắng mặt)

5. Bà Thái Thị N (Vắng mặt)

6. Anh Trần Văn Đ (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Xã TB, huyện TB, tỉnh Cà Mau.

7. Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (viết tắt là Agribank); địa chỉ: Số 2 Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của Agribank Việt Nam: Ông Nguyễn Thanh T, Chức vụ: Giám đốc Agribank - Chi nhánh huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau (Vắng mặt)

8. Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Thới Bình: Ông Lê Chí T, chức vụ: Trưởng phòng TN&MT huyện Thới Bình (Văn bản ủy quyền ngày 18-7-2016 – Vắng mặt).

- Người kháng cáo: Bà Nhan Thị K, là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo bà K trình bày:

Năm 1957, bà K được cha ruột là ông Nhan Văn B (ông B đã chết) cho phần đất diện tích 11.400 m², có các phía tiếp giáp: Mặt tiền giáp lộ xe thị trấn Thới Bình - xã Tân Bằng; mặt hậu giáp đất của ông Tư Quán và đất của ông Trần Văn Chiêm; bên phải nhìn từ mặt tiền giáp với đất của bà Đen; bên trái nhìn từ mặt tiền giáp đất của bà Trương Thị Đứng và ông Nguyễn Chí Thâm. Bà K được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 12-01-1995 diện tích 11.400m² do bà K đứng tên thuộc thửa đất số 234, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại ấp Kinh 6, xã Tân Bằng, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Bà K quản lý, sử dụng đất liên tục từ khi được cho đất cho đến nay. Bà K xác định khi làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chỉ đo đạc trên mặt lộ ngang 25 tầm, không đo tổng diện tích đất bao nhiêu. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bà K đã thế chấp vay tiền tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện Thới Bình vào năm 1995.

Trong quá trình sử dụng đất, giữa phần đất bà K với ông Thâm, ông Thâm có đào đường mương liền kề với phần đất của bà K để làm đường đi chung, trên bờ kinh ông Thâm có trồng hàng trăm bông vàng (trồng khoảng năm 2001) để xác định ranh đất của ông Thâm với bà K. Khi đào đường mương ranh, ông Thâm đào lấn sang phần đất của bà nên bà K yêu cầu ông Thâm trả đất lại, ông Thâm chấp nhận trả phần đường mương cho bà, còn phần đất liền (tức phần đất hiện nay tranh chấp với ông N, bà T) khi nào bà K chuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ Ngân hàng về đo đất bà đến đâu thì ông Thâm chấp nhận trả đất cho bà đến đó; việc ông Thâm trả phần đường mương cho bà K chỉ bằng lời nói không có giấy tờ gì. Khi ông Thâm trồng hàng trăm bông vàng trên bờ ranh bà tiếp tục ngăn cản nhưng không ngăn được do Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thế chấp Ngân hàng nên bà không xác định rõ diện tích đất của bà là bao nhiêu, nên ông Thâm vẫn trồng nhưng ông Thâm thống nhất cho hàng trăm bông vàng lại cho bà, sự việc này cũng chỉ bằng lời nói, không có lập thành văn bản.

Hiện tại đường mương ông Thâm đào bà K đã cuốc đất san lấp đầy, thời gian san lấp cách nay mười mấy năm. Sau khi lấp đường mương ranh giữa bà K và ông Thâm không có xảy ra tranh chấp gì, đôi bên sử dụng đất ổn định.

Năm 2002, ông N và bà T có nhận chuyển nhượng phần đất của ông Thâm (do bà Trương Thị Đứng đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) phần đất liền kề với phần đất của bà K. Năm 2007, Nhà nước nạo vét đường kênh mức trước đó, ông N và bà T có trồng trúc trên bờ ranh, ông N và bà T có thuê bà làm cỏ trên phần bờ ranh (phần hiện nay tranh chấp). Việc ông N, bà T trồng trúc trên đất bà có ngăn cản; bà T nói bà đem quyền sử dụng đất về, xác định đất bà đến đâu bà T trả cho bà đến đó. Việc bà ngăn cản bà T, ông N trồng trúc và bà T hứa trả đất đều không có làm văn bản.

Năm 2015, ông N và bà T khai thác trúc để bán; lúc này bà kiểm tra lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà phát hiện phần đất của bà bị thiếu so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất chiều ngang 15m, dài 210m, diện tích 3.150 m². Do ông N, bà T không trả đất nên bà cưa hàng trăm bông vàng do ông Thâm trồng trước đây để lấy lại đất. Đến tháng 01 năm 2016 bà yêu cầu đến Ủy ban nhân dân xã Tân Bằng giải quyết, ông N và bà T chấp nhận trả lại đất nhưng không thực hiện nên tranh chấp kéo dài cho đến nay.

Bà K khởi kiện yêu cầu ông N, bà T trả cho bà phần đất diện tích theo đo đạc thực tế là 1.965.9 m² thuộc thửa số 234, tờ bản đồ số 15, tọa lạc tại ấp Kinh 6, xã Tân Bằng, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Đối với phần đất tranh chấp với ông Nguyễn Chí T, bà K không yêu cầu Tòa án giải quyết trong cùng vụ án này.

- Theo bà T trình bày:

Năm 2003, ông N và bà T có nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Chí Thâm và bà Trương Thị Đúng (đất do bà Đúng đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng) phần đất diện tích 16.210 m², có các phía tiếp giáp: Mặt tiền giáp lộ xe; mặt hậu giáp đất ông Nguyễn Truyền Thống; bên phải nhìn từ mặt tiền giáp đất bà Nhan Thị K; bên trái giáp đất ông Giử, ông Nây và một số hộ khác. Đến ngày 25-8-2003 được cấp quyền sử dụng đất do ông N đứng tên.

Khi nhận chuyển nhượng, đất của ông Thâm bốn phía đều có mương ranh; trên bờ giáp ranh đất với bà K ông Thâm có trồng hàng trăm bông vàng (trồng vào khoảng năm 1995) để làm ranh đất. Năm 2015, bà K thuê xáng cuốc lấp đường mương ranh giáp với đất bà K do ông Thâm đào trước đó, bà T xác định đường mương nêu trên là của vợ chồng bà T.

Bà T và ông N quản lý sử dụng đất liên tục từ năm 2003 không có phát sinh tranh chấp với ai; vợ chồng bà trồng trăm trên đất, sau đó khai thác trăm và trồng trúc, trồng trăm bông vàng trên đất, lúc trồng và lúc khai thác không có ai ngăn cản. Tháng 3-2016 bà K cưa hết hàng cây trăm bông vàng khoảng 21 năm tuổi (ông Thâm trồng vào khoảng năm 1995) của ông bà mà không rõ lý do. Bà K cưa vào ban đêm; do bà T đi trị bệnh xa nên bà T, ông N không hay, sự việc được công an xã Tân Bằng lập biên bản, bà K thừa nhận là do bà K cưa hàng trăm bông vàng của bà.

Bà T xác định không có lấn chiếm đất của bà K, nên không đồng ý trả đất theo yêu cầu khởi kiện của bà K.

Đối với phần đất tranh chấp với bà Thái Thị N, anh Trần Văn Đ, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết trong cùng vụ án này.

- Theo bà K trình bày:

Bà K thống nhất với trình bày của bà T, không đồng ý trả đất theo yêu cầu bà K.

- Theo chị Lê Thị Đ, anh Lê Chí A trình bày:

Chị Đ, anh Chí A thống nhất với trình bày của bà T, không có ý kiến gì khác.

- Đại diện Agribank Việt Nam trình bày:

Ngày 24-11-2016, Ngân hàng có cho bà K vay số tiền 130.000.000 đồng để nuôi tôm, trồng lúa, nuôi cá; thời hạn trả nợ cuối cùng ngày 20-11-2019, tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất số D0678896, có diện tích 11.400m², cấp ngày 12-01-1995. Số tiền lãi tính đến ngày 15-8-2017 là 9.569.444, tổng số vốn và lãi là 139.569.444 đồng. Ngân hàng yêu cầu bà K có nghĩa vụ thanh toán số tiền vốn và lãi nêu trên cho ngân hàng.

- Theo bà Thái Thị N, anh Trần Văn Đ trình bày:

Phần đất (Nằm phía sau, nhìn từ mặt tiền Kinh lộ xe) tiếp giáp với phần đất tranh chấp giữa bà K với ông N, bà T hiện bà N, anh Đ đang quản lý sử dụng có tranh chấp với bà T, bà N. Anh Đ chờ kết quả của Tòa án tối cao giải quyết vụ án tranh chấp đất giữa bà N với ông Lê Văn T; trường hợp bà T có yêu cầu thì bà N, anh Đ mới yêu cầu giải quyết phần đất này. Hiện tại bà N, anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết chung trong vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà K với ông N, bà T vì quyền và lợi ích hợp pháp của bà N và Anh Đ không bị xâm phạm.

- Theo anh Nguyễn Chí T trình bày:

Về vụ việc tranh chấp quyền sử dụng đất giữa anh với bà Nhan Thị K anh đã yêu cầu giải quyết tại vụ án khác, anh T không yêu cầu giải quyết chung trong vụ án tranh chấp quyền sử dụng đất giữa bà K với bà T, ông N.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 39/2017/DS-ST ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình quyết định:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nhan Thị K đối với ông Lê Văn N, bà Nguyễn Thị T về việc buộc ông N, bà T giao trả phần đất diện tích 1.965,9 m² tại ấp Kinh 6, xã Tân Bằng, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Buộc bà Nhan Thị K thanh toán cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền vốn là 130.000.000 đồng, số tiền lãi là 9.569.444 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 139.569.444 đồng.

Chi phí đo đạc, định giá bà K phải chịu 13.527.000 đồng, bà K đã nộp xong.

Án phí dân sự sơ thẩm miễn cho bà K. Bà K đã dự nộp 1.575.000 đồng theo biên lai số 03467 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình được nhận lại.

Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam đã nộp tạm ứng án phí 3.260.000 đồng theo biên lai số 0018499 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình được nhận lại.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả và quyền kháng cáo của các đương sự.

- Ngày 30/8/2017 bà Nhan Thị K có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét buộc ông N, bà T giao trả lại cho bà phần đất tranh chấp theo đo đạc thực tế có diện tích 1.965,9m².

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà K giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà K đề nghị Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa để xác định làm rõ đường mương lạng giáp ranh giữa đất bà K với đất ông N và bà T.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích cho anh Nam thống nhất với ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà K; đề nghị Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa.

Bà T, bà K giữ nguyên quan điểm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của bà K.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bà Nhan Thị K, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 39/2017/DS-ST ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét yêu cầu kháng cáo của bà K, Hội đồng xét xử thấy rằng: Phần đất tranh chấp giữa bà K với ông N và bà T theo đo đạc thực tế diện tích 1.965,9m², đất tọa lạc tại ấp 6, xã Tân Bằng, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Bà K cho rằng phần đất tranh chấp nằm trong quyền sử dụng của bà K; ông N và bà T cho rằng phần đất tranh chấp nằm trong diện tích đất chuyển nhượng của ông Thâm, được cấp quyền sử dụng năm 2003 và quản lý sử dụng đến nay.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau đã có Công văn số 164/TA-DS ngày 19/3/2018 yêu cầu Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Thới Bình xác định diện tích đất tranh chấp 1.965,9m² nêu trên thuộc thửa đất số mấy, nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà K hay ông N. Tại Công văn số 65/CNVPĐKĐĐ ngày 27/3/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Thới Bình phúc đáp: Phần đất tranh chấp giữa bà K với ông N và bà T có diện tích 1.965,9m² thuộc thửa đất số mấy, thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ gia đình ông Lê Văn N hay Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nhan Thị K thì Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Thới Bình không đủ cơ sở để xác định. Như vậy phần đất tranh chấp cơ quan chuyên môn không xác định được thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà K hay ông N.

Tuy nhiên, xét về quá trình sử dụng đất của các bên đương sự thấy rằng: Bà K thừa nhận phần đất của bà liền kề với phần đất của ông Thâm, ông Thâm đã chuyển nhượng cho vợ chồng ông N và bà K; bà K cho rằng trong quá trình sử dụng ông Thâm có đào đường kênh ranh và trồng tràm trên bờ ranh nhưng lần qua đất của bà, sau đó ông Thâm đã đồng ý trả lại cho bà. Nhưng theo bà Trương Thị

Đúng là vợ của ông Thâm xác định ông Thâm có phần đất tiếp giáp với phần đất của bà K, phần đất này do bà Đúng đứng tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; lúc ông Thâm còn sống đã chuyển nhượng phần đất này cho bà T và ông N; giữa phần đất bà với phần đất của bà K có đường kênh ranh, có bờ; trên bờ ông Thâm có trồng cây để làm ranh; đường kênh 500 đã cắt phần đất của ông Thâm chuyển nhượng cho bà T và ông N làm hai phần, trong đó có phần đất tranh chấp với bà K; lúc ông Thâm còn sống, giữa ông Thâm với bà K không có tranh chấp và ông Thâm không có trả phần đất nào cho bà K. Mặt khác, bà K thừa nhận trong lúc ông B cha bà quản lý, sử dụng đất không có tranh chấp, sau khi ông B cho đất bà K thì bà K cũng quản lý sử dụng liên tục không tranh chấp với ai và bà K được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 12-01-1995, bà Đúng đã chuyển tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông N, bà T ngày 25-8-2003, đến năm 2016 giữa bà K với bà T mới phát sinh tranh chấp với nhau. Như vậy, ông Thâm với bà K đã sử dụng đất ổn định, liên tục trong thời gian dài, các bên không có tranh chấp với nhau. Do đó, lời trình bày của bà K cho rằng trước đây bà có tranh chấp ranh đất với ông Thâm, ông Thâm có trả đất lại cho bà là không có cơ sở.

Hơn nữa, khi ông N và bà T chuyển nhượng đất của ông Thâm và bà Đúng thì bà K cũng không có ý kiến gì. Sau khi chuyển nhượng đất ông N, bà T trồng trọt, trồng tràm bông vàng trên đất đến khi khai thác nhưng bà K không có ý kiến phản đối gì. Bà K còn thừa nhận trước đây bà có làm cỏ thuê cho ông N và bà T trên phần đất bờ ranh hiện nay tranh chấp với ông N và bà T.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, bà K cho rằng phần đất bà đang sử dụng thiếu so với quyền sử dụng đất nên cho rằng ông N và bà T lấn chiếm đất của bà chứ không có căn cứ nào khác chứng minh việc ông N và bà T lấn chiếm đất. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà K diện tích 11.400m²; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông N diện tích 16.210m². Nhưng qua đo đạc thực tế, phần đất bà K đang sử dụng diện tích 8.504,8m² (chưa tính phần tranh chấp); ông N đang sử dụng diện tích 10.330,8 m² trong đó có diện tích kênh 500 là 2.692,9m² (chưa tính phần tranh chấp). Như vậy, diện tích đất bà K, ông N sử dụng đều thiếu so với quyền sử dụng đất được cấp. Nếu tính cả diện tích đất tranh chấp 1.965,9m² cho bà K hoặc ông N thì diện tích đất bà K, diện tích đất ông N đều thiếu so với quyền sử dụng đất được cấp.

Từ phân tích trên, xét thấy án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà K đòi bà T và ông N trả lại phần đất tranh chấp theo đo đạc diện tích 1.965,9m² có cơ sở. Do đó cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà K, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ.

Đối với đề nghị của Luật sư trợ giúp pháp lý bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà K và anh Nam đề nghị hoãn phiên tòa là không có cơ sở chấp nhận.

Án phí dân sự phúc thẩm bà K được miễn chịu án phí (do có sổ hộ nghèo).

Các quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không giải quyết; có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nhan Thị K. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 39/2017/DS-ST ngày 15 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nhan Thị K đối với ông Lê Văn N và bà Nguyễn Thị T về việc buộc ông N và bà T giao trả phần đất diện tích theo đo đạc thực tế 1.965,9 m² tọa lạc tại ấp Kinh 6, xã Tân Bằng, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

(Có sơ đồ đạc kèm theo)

Buộc bà Nhan Thị K thanh toán cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền vốn 130.000.000 đồng, số tiền lãi 9.569.444 đồng. Tổng cộng vốn và lãi 139.569.444 đồng.

Trường hợp bà K chậm thanh toán khoản tiền nói trên cho Ngân hàng, thì phải chịu lãi phát sinh trên số tiền vốn theo hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng.

Chi phí đo đạc, định giá bà Nhan Thị K phải chịu 13.927.000 đồng, bà K đã nộp xong.

Án phí dân sự sơ thẩm miễn cho bà Nhan Thị K. Ngày 05/7/2016 bà K đã dự nộp 1.575.000 đồng theo biên lai số 03467 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình được nhận lại.

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Ngày 27/3/2017 Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Thới Bình đã dự nộp 3.260.000 đồng theo biên lai số 0018499 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình được nhận lại.

Án phí dân sự phúc thẩm miễn cho bà Nhan Thị K.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không giải quyết; có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Lập